

**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN
TẠI KỲ HỌP THỨ 7 HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN
(THÁNG 12/2018)**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÓM TẮT
Ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2018
và dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

I. Thu ngân sách:

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2018 ước thực hiện (không tính ghi thu ghi chi) là 3.072,420 tỷ đồng; đạt 101,10% dự toán pháp lệnh (3.039 tỷ đồng) và bằng 114,34% so với năm 2017 (2.687,020 tỷ đồng).

* Các khoản thu đạt và vượt so với chỉ tiêu pháp lệnh như:

- Lệ phí trước bạ: 328,579 tỷ đồng, đạt 102,04% dự toán (322 tỷ đồng) và bằng 116,53% so với năm 2017 (281,978 tỷ đồng); trong đó lệ phí trước bạ nhà đất là 135,000 tỷ đồng, đạt 264,62% dự toán (54,740 tỷ đồng) và bằng 151,95% so với năm 2017 (106,589 tỷ đồng) do các dự án chung cư đã hoàn thành và đang tiến hành cấp sổ đỏ cho người dân nên lượng hồ sơ tăng.

- Thuế thu nhập cá nhân: 601,345 tỷ đồng, đạt 109,34% dự toán (550 tỷ đồng) và bằng 134,98% so với năm 2017 (445,509 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 11,464 tỷ đồng đạt 163,77% dự toán (7,000 tỷ đồng) và bằng 122,88% so với năm 2017 (9,329 tỷ đồng).

- Phí - lệ phí (không tính Lệ phí môn bài): 26,359 tỷ đồng, đạt 102,04% dự toán (25,833 tỷ đồng) và bằng 124,86% so với năm 2017 (21,111 tỷ đồng).

- Lệ phí Môn bài: 18,035 tỷ đồng, đạt 117,92% dự toán (14,167 tỷ đồng) và bằng 117,92% so với năm 2017 (15,294 tỷ đồng)..

- Thu khác: 92,619 tỷ đồng, đạt 308,73% dự toán (30,000 tỷ đồng) và bằng 136,42% so với năm 2017 (67,891 tỷ đồng).

* Các khoản thu chưa đạt dự toán như:

- Thuế Công thương nghiệp: 1.208,760 tỷ đồng, đạt 95,18% dự toán (1.270 tỷ đồng) và bằng 131,86% so với năm 2017 (916,689 tỷ đồng).

- Tiền thuê đất: 100,758 tỷ đồng, đạt 83,97% dự toán (120 tỷ đồng) và bằng 119,86% so với năm 2017 (84,065 tỷ đồng).

- Tiền sử dụng đất: 684,501 tỷ đồng, đạt 97,79% dự toán (700 tỷ đồng) và bằng 80,99% so với năm 2017 (845,153 tỷ đồng).

2. Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2018 ước thực hiện (không tính ghi thu ghi chi) là 1.102,052 tỷ đồng, đạt 197,65% dự toán quận giao (557,585 tỷ đồng) và bằng 122,97% so với năm 2017 (896,170 tỷ đồng). Nêu trừ thu chuyển nguồn (102,882 tỷ đồng) và kết dư (318,233 tỷ đồng) là 680,937 tỷ đồng, đạt 122,12% dự toán (557,585 tỷ đồng) và bằng 111,15% so với năm 2017 (612,648 tỷ đồng). Trong đó:

- Thu điều tiết ngân sách địa phương: 426,708 tỷ đồng, đạt 142,12% dự toán đầu năm (312,429 tỷ đồng) và bằng 130,39% so với năm 2017 (327,247 tỷ đồng).

- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 236,905 tỷ đồng, đạt 101,78% dự toán (232,771 tỷ đồng) và bằng 83,01% so với năm 2017 (285,400 tỷ đồng).

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 ước thực hiện (không tính ghi thu ghi chi) là 649,467 tỷ đồng, đạt 116,48% dự toán thành phố giao (557,585 tỷ đồng) và bằng 112,38% so với năm 2017 (577,937 tỷ đồng).

1. Chi đầu tư phát triển: 76,173 tỷ đồng, đạt 95,66% kế hoạch giao (79,624 tỷ đồng), bằng 249,36% so năm 2017 (30,547 tỷ đồng).

2. Chi thường xuyên: 573,294 tỷ đồng đạt 102,82% dự toán (557,585 tỷ đồng) và bằng 127,00% so với năm 2017 (451,400 tỷ đồng); trong đó:

- Sự nghiệp kinh tế: 75,600 tỷ đồng, đạt 85,72% dự toán (88,199 tỷ đồng) và bằng 128,38% so với năm 2017 (58,888 tỷ đồng), trong năm tập trung công tác thanh quyết toán khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích các năm 2016, 2017.

- Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 223,118 tỷ đồng, đạt 111,44% so dự toán (200,207 tỷ đồng) và bằng 129,85% so với năm 2017 (171,822 tỷ đồng) tăng chủ yếu do chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố; phát sinh 01 trường mới (Trường tiểu học Bình Trưng Đông); sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cần thiết để phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục; cấp

bù chính sách miễn giảm học phí của Trường cao đẳng Thủ Thiêm; hỗ trợ trường THPT Thủ Thiêm và các hoạt động thường xuyên của các trường.

- Sự nghiệp y tế: 38,192 tỷ đồng, đạt 106,62% dự toán (35,820 tỷ đồng) và bằng 126,69% so với năm 2017 (30,146 tỷ đồng), tăng do chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND; tăng đối tượng trẻ dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT miễn phí theo quy định.

- Văn hóa nghệ thuật: 6,515 tỷ đồng, đạt 97,78% dự toán (6,663 tỷ đồng) và bằng 64,10% so với năm 2017 (10,164 tỷ đồng); Thẻ dự thể thao: 2,788 tỷ đồng, đạt 73,12% dự toán (3,813 tỷ đồng) và bằng 120,20% so với năm 2017 (2,320 tỷ đồng) do tiết kiệm chi phí trong tổ chức một số hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn; không thực hiện một số nội dung chi đã bố trí dự toán (xe ô tô chuyên dùng theo quy định không được mua).

- Sự nghiệp xã hội: 30,138 tỷ đồng, đạt 101,23% dự toán (29,771 tỷ đồng) và bằng 82,49% so với năm 2017 (36,534 tỷ đồng) do tăng đối tượng bảo trợ xã hội được trợ cấp hàng tháng, tăng đối tượng hưởng trợ cấp tết nguyên đán, tăng người cao tuổi được nhận quà chúc thọ, mừng thọ.

- Chi QLNN-Đảng-Đoàn thể: 130,812 tỷ đồng đạt 110,94% dự toán (117,913 tỷ đồng) và bằng 117,89% so với năm 2017 (110,960 tỷ đồng); tăng do chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND; thực hiện kinh phí chỉnh lý số hóa tài liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu lưu trữ tập trung theo chỉ đạo của thành phố; tăng chế độ chính sách cho khu phố, tổ dân phố, lực lượng bảo vệ dân phố, công tác mặt trận khu phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Chi Quốc phòng - An ninh: 27,604 tỷ đồng đạt 104,90% dự toán (26,314 tỷ đồng) và bằng 116,19% so với năm 2017 (23,757 tỷ đồng) do tăng cường trang thiết bị chuyên ngành cho lực lượng Công an (cấp giấy căn cước lưu động, máy đo nồng độ cồn...); trang bị hàng rào, bùng nhùng cho các phường để phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự...

- Chi khác: 5,342 tỷ đồng, đạt 39,98% so dự toán (13,430 tỷ đồng) do phân bổ kinh phí các lĩnh vực ngân sách phát sinh trong năm và bằng 78,87% so với năm 2017 (6,808 tỷ đồng).

III. Nhận xét, đánh giá:

1. Thu ngân sách:

- Ngay từ đầu năm Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận 2 đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2018; tăng cường công tác quản lý thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời động viên các nguồn lực vào ngân sách nhà nước. Ban chỉ đạo tăng cường quản lý thu, chống thất thu của quận thường xuyên duy trì hoạt động, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho Chi cục Thuế quận và Hội đồng tư vấn thuế các phường; kiểm tra tình hình thu ngân sách của 11 phường; tổ chức làm việc với các Đội thuế thuộc Chi cục Thuế quận 2 nhằm đánh giá lại cách

thức tổ chức quản lý, kiểm tra để điều chỉnh phù hợp; vận động người dân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước; gặp gỡ, lắng nghe, trao đổi với các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm nắm bắt, tháo gỡ khó khăn tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh thuận lợi.

- Ước cả năm 2018, ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính ghi thu) là 3.072,420 tỷ đồng; đạt 101,10% dự toán pháp lệnh (3.039 tỷ đồng) và bằng 114,34% so với năm 2017 (2.687,020 tỷ đồng). Số thu ngân sách địa phương tăng cao, ước năm 2018 là 1.102,051 tỷ đồng, đạt 197,65% so dự toán (557,585 tỷ đồng), nếu trừ thu kết dư và thu chuyển nguồn thì đạt 122,12% dự toán và bằng 111,15% so với năm 2017; trong đó, thu điều tiết ngân sách địa phương tăng cao chủ yếu điều tiết từ nguồn thu lệ phí trước bạ nhà, đất.

2. Chi ngân sách:

- Chi ngân sách đảm bảo các nhiệm vụ theo chính sách, chế độ, trợ cấp đối tượng xã hội, an ninh quốc phòng, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Ủy ban nhân dân quận đã có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tất cả các đơn vị thuộc quận thực hiện dự toán ngân sách năm 2018 và tập trung thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2018 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; triệt để tiết kiệm chi tiêu các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy nhà nước và chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công, điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách.

- Đối với chi đầu tư, Ủy ban nhân dân quận tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư, thanh quyết toán các công trình hoàn thành, chủ động rà soát tập trung nguồn vốn ưu tiên đầu tư cho những công trình phúc lợi công cộng, nhất là các công trình giáo dục.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Năm 2019, thành phố dự kiến giao dự toán thu ngân sách nhà nước cho quận 2 là 3.290 tỷ đồng, bằng 108,26% so dự toán năm 2018 (3.039 tỷ đồng) và bằng 107,08% so ước thực hiện năm 2018 (3.072,420 tỷ đồng)

Ủy ban nhân dân quận tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 của trên địa bàn là: 3.290 tỷ đồng; trong đó:

- Thuế Công thương nghiệp: 1.300 tỷ đồng, bằng 102,36% dự toán năm 2018 (1.270 tỷ đồng) và bằng 107,55% so ước thực hiện năm 2018 (1.208,760 tỷ đồng)

- Lệ phí trước bạ: 390 tỷ đồng, bằng 121,12% dự toán năm 2018 (322 tỷ đồng) và bằng 118,69% so ước thực hiện năm 2018 (328,579 tỷ đồng). Trong đó lệ phí trước bạ nhà, đất là 66,300 tỷ đồng, bằng 121,12% dự toán năm 2018 (54,74 tỷ đồng) và bằng 49,11% so ước thực hiện năm 2018 (135 tỷ đồng).

- Thuế thu nhập cá nhân: 715 tỷ đồng, bằng 130% dự toán năm 2018 (550 tỷ đồng) và bằng 118,90% so ước thực hiện năm 2018 (601,345 tỷ đồng)

- Tiền sử dụng đất: 700 tỷ đồng, bằng 100% dự toán năm 2018 (700 tỷ đồng) và bằng 102,26% so ước thực hiện năm 2018 (684,501 tỷ đồng)

- Tiền thuê đất: 80 tỷ đồng, bằng 66,67% dự toán năm 2018 (120 tỷ đồng) và bằng 79,40% so ước thực hiện năm 2018 (100,758 tỷ đồng)

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 10 tỷ đồng, bằng 142,86% dự toán năm 2018 (7 tỷ đồng) và bằng 87,23% so ước thực hiện năm 2018 (11,464 tỷ đồng)

- Phí - Lệ phí: 31,7 tỷ đồng, bằng 122,71% dự toán năm 2018 (25,833 tỷ đồng) và bằng 120,26% so ước thực hiện năm 2018 (26,359 tỷ đồng)

- Lệ phí Môn bài: 18,3 tỷ đồng, bằng 129,17% dự toán năm 2018 (14,167 tỷ đồng) và bằng 101,47% so ước thực hiện năm 2018 (18,035 tỷ đồng)

- Thu khác: 45 tỷ đồng, bằng 150% dự toán năm 2018 (30 tỷ đồng) và bằng 48,59% so ước thực hiện năm 2018 (92,619 tỷ đồng).

II. Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương: 733,391 tỷ đồng (không tính khoản thu chuyển giao giữa ngân sách cấp quận và ngân sách cấp phường), gồm:

- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 309,576 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 303,457 tỷ đồng.

- Nguồn cải cách tiền lương cân đối chi thường xuyên: 98,157 tỷ đồng

- Thu kết dư năm trước: 22,201 tỷ đồng.

III. Dự toán chi ngân sách năm 2019:

1. Nguyên tắc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách năm 2019:

Dự toán năm 2017, Ủy ban nhân dân quận đã rà soát lại toàn bộ các tiêu chí và áp dụng định mức của tất cả các lĩnh vực. Do đó, đối với dự toán 2019 (năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020), Ủy ban nhân dân quận không điều chỉnh định mức chi cho các lĩnh vực mà chỉ thực hiện cộng phần tăng lương tính theo mức lương là 1.210.000 đồng (là mức lương của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách) do điều chỉnh mức lương cơ sở tính trong định mức, các tiêu chí khác giữ nguyên như dự toán năm 2017. Cụ thể:

- Trong năm 2017, Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng (theo quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang);

- Trong năm 2018, Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng (theo quy định tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

Như vậy, chênh lệch tăng lương so với mức lương tính trong định mức năm 2017 là 180.000 đồng (từ 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng).

- Giảm mức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (từ 1% xuống 0,5% theo quy định tại Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

- Giảm mức hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn đối với cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn từ ngân sách: từ mức $23\% \times \text{hệ số lương} \times \text{lương cơ sở}$ xuống mức $19\% \times \text{lương cơ sở}$ theo Luật BHXH, BHYT, Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại điểm d, Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 *“Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ”*. Do đó, định mức giao cho biên chế chưa tuyển thực hiện theo hệ số lương 2,34.

- Về kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố:

. Căn cứ vào đối tượng đã được quy định tại Điều 2, nguồn kinh phí thực hiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố và hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến để lập dự toán năm 2019 tối đa là 1,2 lần, các đơn vị dự toán nhu cầu, nguồn kinh phí chi thu nhập tăng thêm trong năm.

. Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm còn thiếu so với nguồn hiện có (tức nhu cầu lớn hơn nguồn); ngân sách quận sẽ bổ sung dự toán kinh phí cho các đơn vị để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

- Đối với khối Quản lý nhà nước quận:

+ Phần kinh phí tự chủ: căn cứ số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận giao tại Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2018 và bảng thanh toán lương tháng 11/2018; định mức quản lý hành chính khối quận là 125 triệu đồng/người/năm (đối với biên chế), 96 triệu đồng/người/năm (đối với hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) và 93 triệu đồng/người đối với hợp đồng chưa tuyển.

- Đối với khối đoàn thể:

+ Kinh phí tự chủ: phân bổ theo định mức được thành phố quy định (chỉ con người tính theo hệ số lương bình quân, kinh phí hoạt động là 53,653 triệu đồng/người/năm), định biên căn cứ vào quyết định giao của Quận ủy và biên chế thực tế theo bảng thanh toán lương tháng 11/2018.

+ Kinh phí không tự chủ: thành phố giao dự toán kinh phí ngoài khoản của đoàn thể là 1.000 triệu đồng /năm, hội đặc thù 500 triệu đồng; tuy nhiên quận phân bổ cao hơn mức của thành phố để đảm bảo hoạt động thực tế của đơn vị.

- Đối với sự nghiệp kinh tế: Thay đổi trong đơn giá như sau:

+ Mức tiền lương tính trong đơn giá SP-DVCI: 3.058.000 đồng/tháng, áp dụng mức lương theo quy định tại Quyết định số 6151/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá SP-DVCI trên địa bàn thành phố, tăng 708.000 đồng/tháng so với năm 2018 (2.350.000 đồng/tháng, theo mức lương lĩnh vực đầu tư XD CB);

+ Định mức dự toán lĩnh vực môi trường: áp dụng Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về Công bố bộ định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (năm 2018 áp dụng bộ định mức do Bộ Xây dựng ban hành tại Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014).

+ Áp dụng giá nhiên liệu tại thời điểm xây dựng dự toán 2019.

- Đối với khối Giáo dục - Đào tạo: Dự toán thu - chi đơn vị sự nghiệp, đảm bảo phân bổ kinh phí cho khối giáo dục theo nguyên tắc chung: Con người 80%, hoạt động 20%. Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị vật dụng phục công tác giảng dạy của các trường bố trí 50 triệu đồng/trường (năm 2018 quận thực hiện bố trí dự toán đầu năm, đã tạo cho các trường sự chủ động trong sử dụng kinh phí, kịp thời mua sắm, sửa chữa nhỏ phục vụ công tác quản lý, giảng dạy (mua công cụ, dụng cụ dạy học, quạt máy, bảng hiệu, sửa chữa vật dụng, thiết bị trường học, nhà vệ sinh...), không phải chờ đợi kinh phí bổ sung để thực hiện.

Riêng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận bố trí kinh phí dự toán thu chi của trung tâm mới.

- Đối với sự nghiệp y tế: Dự toán thu – chi đơn vị sự nghiệp khối y tế; bố trí chương trình mục tiêu quốc gia và bố trí thêm kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đối với sự nghiệp xã hội: Bố trí kinh phí đảm bảo chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn theo mức quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và bố trí kinh phí hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Quyết định số 4271/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đối với khối phường:

+ Kinh phí tự chủ: giao dự toán theo định mức quản lý hành chính khối phường là 90 triệu đồng/người trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán. Nếu biên chế thực tế có mặt thấp hơn biên chế kế hoạch (được Ủy ban nhân dân quận 2 giao tại Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 27/3/2018) thì được tính thêm 10% biên chế kế hoạch nhưng không vượt quá số biên chế kế hoạch được giao năm 2018 (10% được tính trên biên chế kế hoạch năm 2018); trường hợp số biên chế thực tế có mặt (trong chỉ tiêu biên chế kế hoạch) vượt số biên chế đã giao dự toán, số biên chế tăng thêm so với biên chế đã giao dự toán được bổ sung kinh phí theo tiến độ. Định mức quản lý hành chính khối phường là 90 triệu đồng/người/năm (đối với biên chế), 84 triệu đồng/người/năm (đối với hợp đồng chưa tuyển).

+ Kinh phí ngoài khoán: Kinh phí hoạt động ngoài khoán cho mỗi phường ổn định 900 triệu đồng/phường; 03 phường giải tỏa là 350 triệu đồng/phường. Kinh phí hoạt động ngoài khoán của phường được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động Mặt trận Tổ quốc phường, đoàn thể, hội, khu phố, tổ dân phố, hỗ trợ các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, y tế, giáo dục, văn hóa...

+ Tăng mức trợ cấp đối với cán bộ xã, phường, thị trấn thuộc diện 130/CP, 111-HĐBT theo Thông tư số 08/2018/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

+ Tăng mức hỗ trợ đối với khu phố, ấp, tổ dân phố theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố và Công văn số 1818/UBND-VX ngày 03/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Điều chỉnh mức chi trợ cấp, phụ cấp cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Dân quân tự vệ; nâng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp trách nhiệm, trợ cấp trang phục đối với lực lượng Bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố.

+ Bổ sung mức chi hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây

dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

+ Tăng định mức sinh hoạt hè từ 39.000 đồng lên 40.000 đồng/học sinh.

+ Kinh phí điện chiếu sáng dân lập theo số liệu khảo sát thực tế của phòng Quản lý đô thị quận, Công ty Điện lực Thủ Thiêm và các phường.

2. Dự toán chi ngân sách năm 2019:

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 là 733,391 tỷ đồng (không tính khoản chi chuyển giao giữa ngân sách cấp quận và ngân sách cấp phường, chưa tính chi đầu tư phát triển). Trong đó:

- Sự nghiệp kinh tế: 105,915 tỷ đồng.
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 299,960 tỷ đồng.
- Sự nghiệp y tế: 56,307 tỷ đồng.
- Văn hóa nghệ thuật: 8,654 tỷ đồng.
- Thể dục thể thao: 3,194 tỷ đồng.
- Sự nghiệp xã hội: 34,826 tỷ đồng.
- Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể: 165,982 tỷ đồng.
- Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội: 33,485 tỷ đồng.
- Chi khác: 11,640 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách: 13,428 tỷ đồng.

Cụ thể như sau:

a) Chi ngân sách cấp quận: 713,811 tỷ đồng (nếu loại trừ khoản chi chuyển giao giữa ngân sách quận và ngân sách phường - chi bổ sung cân đối ngân sách phường 95,947 tỷ đồng, thì chi ngân sách cấp quận là 617,864 tỷ đồng).

b) Chi ngân sách cấp phường (11 phường): 115,527 tỷ đồng (trong đó dự phòng ngân sách phường: 2,224 tỷ đồng).

c) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp quận cho ngân sách cấp phường: 95,947 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 là 733,391 tỷ đồng, tăng 31,53% so với dự toán năm 2018 (557,585 tỷ đồng); trong đó tăng tập trung ở hầu hết lĩnh vực: kinh tế, giáo dục - đào tạo, sự nghiệp xã hội, quản lý nhà nước - đảng - đoàn thể, an ninh - quốc phòng... Nguyên nhân chủ yếu là bố trí kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (năm 2019 tối đa là 1,2 lần) với tổng số tiền là 128,421 tỷ đồng và chi tăng lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP; ngoài ra các sự nghiệp tăng do:

- Sự nghiệp Kinh tế tăng đơn giá sản phẩm dịch vụ công ích và bố trí tăng kinh phí phân loại xử lý chất thải rắn tại nguồn; ngoài ra bố trí kinh phí an toàn giao thông từ nguồn Trung ương và nguồn quận.

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tăng số lượng học sinh.

- Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể tăng do bố trí kinh phí thực hiện chỉnh lý số hóa tài liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu lưu trữ tập trung; thuê camera đảm bảo công tác an ninh trật tự tại cơ quan, đơn vị; và tăng mức hỗ trợ đối với khu phố, tổ dân phố, bảo vệ dân phố, hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.

- An ninh - quốc phòng tăng do sáp nhập kinh phí hỗ trợ cho Đội Cảnh sát PCCC vào Công an quận; mua sắm bàn ghế, âm thanh hội trường BCH Quân sự.

- Sự nghiệp Xã hội tăng do tăng đối tượng bảo trợ xã hội, tăng định mức và bố trí kinh phí hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Quyết định số 4271/QĐ-UBND ngày 29/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Bổ sung ngân sách phường cao hơn chủ yếu do bổ sung kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03; tăng lương cơ sở trong kinh phí quản lý hành chính, tăng khoản phụ cấp các lực lượng ở phường (khu phố, tổ dân phố, lực lượng dân quân thường trực, bảo vệ dân phố, UBMTTQ phường và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư); ngoài ra bố trí kinh phí phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cho phường An Phú, Bình An, Cát Lái, Bình Trưng Đông (1 tỷ đồng/phường), phường Bình Khánh (500 triệu đồng/phường).

* Để đảm bảo cân đối thu chi dự toán ngân sách năm 2019, tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 là 733,391 tỷ đồng; trong đó:

- Sử dụng từ dự toán chi ngân sách năm 2019 thành phố dự kiến bố trí cho quận: 711,190 tỷ đồng.

- Sử dụng từ nguồn kết dư ngân sách quận phân bổ thêm cho một số lĩnh vực để thực hiện các nhiệm vụ cần thiết, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các phường trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội và các nội dung khác theo chỉ đạo của thành phố, của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận nhưng chưa được giao dự toán đầu năm: 22,201 tỷ đồng (Kinh phí chỉnh lý số hóa tài liệu và tạo lập cơ sở dữ liệu lưu trữ tập trung: 12 tỷ đồng; thuê camera đảm bảo công tác an ninh trật tự tại cơ quan, đơn vị: 600 triệu đồng; mua sắm bàn ghế, âm thanh hội trường Ban chỉ huy Quân sự quận: 900 triệu đồng; kinh phí chăm lo đối tượng bảo trợ xã hội nguồn quận: 2 tỷ đồng; dự trù các khoản phát sinh: 6,701 tỷ đồng)/.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (%) (1)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.039.000	3.072.420	3.290.000	107,08%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	3.039.000	3.072.420	3.290.000	107,08%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	
3	Thu viện trợ không hoàn lại	-	-	-	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH QUẬN	557.585	1.102.052	733.391	66,55%
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	312.429	444.032	309.576	69,72%
	- Các khoản thu ngân sách quận hưởng 100%	85.089	229.209	103.782	45,28%
	- Các khoản thu phân chia NS quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	227.340	214.823	205.794	95,80%
II	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	232.771	236.905	303.457	128,09%
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	232.771	232.771	303.457	130,37%
	Thu bổ sung có mục tiêu	-	4.134		
III	Thu kết dư	10.000	318.233	22.201	6,98%
IV	Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi thường xuyên	2.385	-	98.157	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	102.882	-	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	557.585	649.467	733.391	131,53%
I	Chi đầu tư phát triển	-	76.173	-	
II	Chi thường xuyên	544.157	573.294	719.963	132,31%
III	Dự phòng ngân sách	13.428	-	13.428	100,00%

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2019

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2018		Dự toán năm 2019	So sánh (%) (1)
		Dự toán	Ước thực hiện		
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP QUẬN				
I	Nguồn thu ngân sách cấp quận	543.085	1.057.589	713.811	67,49%
1	Thu ngân sách cấp quận hưởng theo phân cấp	300.314	426.708	294.091	68,92%
	- Các khoản thu ngân sách cấp quận hưởng 100%	72.974	211.885	88.297	41,67%
	- Các khoản thu phân chia NS cấp quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm	227.340	214.823	205.794	95,80%
2	Thu kết dư	10.000	305.263	22.201	7,27%
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	88.713	-	
4	Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi thường xuyên	-	-	94.062	
5	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	232.771	236.905	303.457	128,09%
	- Bổ sung cân đối	232.771	232.771	303.457	130,37%
	- Bổ sung có mục tiêu	-	4.134	-	-
II	Chi ngân sách cấp quận	543.085	619.110	713.811	131,44%
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp quận theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	474.430	545.646	617.864	130,23%
2	Bổ sung cho ngân sách cấp phường	68.655	73.464	95.947	139,75%

STT	Nội dung	Năm 2018		Dự toán năm 2019	So sánh (%) (1)
		Dự toán	Ước thực hiện		
	- Bổ sung cân đối	68.655	68.655	95.947	139,75%
	- Bổ sung có mục tiêu	-	4.809	-	
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG				
I	Thu ngân sách phường	83.155	117.927	115.527	97,96%
1	Thu ngân sách cấp phường hưởng theo phân cấp	12.115	17.324	15.485	89,38%
2	Thu kết dư	-	12.970	-	
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	14.169	-	
4	Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi thường xuyên	2.385	-	4.095	
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp quận	68.655	73.464	95.947	130,60%
	- Bổ sung cân đối	68.655	68.655	95.947	139,75%
	- Bổ sung có mục tiêu	-	4.809	-	
II	Chi ngân sách phường	83.155	103.822	115.527	138,93%

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Đvt: Triệu đồng

NỘI DUNG	Năm 2018		Dự toán năm 2019	So sánh DT 2019/UTH 2018 (%)
	Dự toán	Ước thực hiện		
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.039.000	3.072.420	3.290.000	107,08%
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN (I+II+III+IV)	3.039.000	3.072.420	3.290.000	107,08%
I - THU NỘI ĐỊA	3.039.000	3.072.420	3.290.000	107,08%
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-	-	-	-
-Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí	-	-	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	-	-
- Thu hồi vốn và thu khác	-	-	-	-
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	-	-
- Thu hồi vốn và thu khác	-	-	-	-
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí	-	-	-	-

NỘI DUNG	Năm 2018		Dự toán năm 2019	So sánh DT 2019/UTH 2018 (%)
	Dự toán	Ước thực hiện		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Khí lãi được chia của Chính Phủ Việt Nam	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>	-	-	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	-	-
- Các khoản thu khác	-	-	-	-
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.270.000	1.208.760	1.300.000	107,55%
- Thuế giá trị gia tăng	912.200	698.599	673.000	96,34%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.800	494.860	470.300	95,04%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	7.000	15.301	17.200	112,41%
- Thuế môn bài	-	-	-	-
- Thu nhập khác ngoài quốc doanh	-	-	139.500	
5. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
6. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	-	-
7. Lệ phí trước bạ	322.000	328.579	390.000	118,69%
8. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	11.464	10.000	87,23%
10. Thuế thu nhập cá nhân	550.000	601.345	715.000	118,90%
11. Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
12. Thu phí, lệ phí	25.833	26.359	31.700	120,26%
13. Lệ phí Môn bài	14.167	18.035	18.300	101,47%
14. Tiền sử dụng đất	700.000	684.501	700.000	102,26%
15. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	120.000	100.758	80.000	79,40%
16. Thu tiền bán tài sản	-	-	-	-
17. Thu khác ngân sách	30.000	92.619	45.000	48,59%
18. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-

NỘI DUNG	Năm 2018		Dự toán năm 2019	So sánh DT 2019/UTH 2018 (%)
	Dự toán	Ước thực hiện		
<i>Trong đó:</i>				
+ Do Trung ương cấp	-	-	-	-
+ Do địa phương cấp	-	-	-	-
19. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,tại xã	-	-	-	-
20. Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-
<i>Trong đó: NSDP hưởng 100%</i>	-	-	-	-
<i>NSTW hưởng 100%</i>	-	-	-	-
II - THU TỪ DẦU THÔ	-	-	-	-
III - THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	-	-	-	-
1. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế BVMT hàng hóa nhập khẩu	-	-	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	-	-	-	-
IV - THU VIỆN TRỢ	-	-	-	-
B. CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI QUẢN LÝ QUA NSNN	-	-	-	-
- Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
- Các khoản thu khác	-	-	-	-
TỔNG THU NSDP	557.585	1.102.052	733.391	66,55%
A. CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSDP	557.585	1.102.052	733.391	66,55%
- Các khoản thu 100%	85.089	229.209	103.782	45,28%
- Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	227.340	214.823	205.794	95,80%
- Thu bổ sung từ NS thành phố	232.771	236.905	303.457	128,09%
- Thu chuyển nguồn	-	102.882	-	-
- Nguồn CCTL còn lại cân đối chi thường xuyên	2.385	-	98.157	
- Thu kết dư	10.000	318.233	22.201	6,98%
B. CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI VÀ QUẢN LÝ QUA NSNN	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp phường
A	B	I=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	733.391	617.864	115.527
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	733.391	617.864	115.527
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-
a	Vốn trong nước	-	-	-
	Trong đó:	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-	-
b	Vốn ngoài nước	-	-	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-
II	Chi thường xuyên	719.963	606.660	113.303
	Trong đó:	-	-	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	299.960	299.960	-
2	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
IV	Dự phòng ngân sách	13.428	11.204	2.224
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	-	-	-
II	Chi chương trình, mục tiêu	-	-	-
	(Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)	-	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2019**

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	713.811
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	95.947
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC	617.864
I	Chi đầu tư phát triển	-
	<i>Trong đó:</i>	-
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	-
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-
a	<i>Vốn trong nước</i>	-
	<i>Trong đó:</i>	-
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	-
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	-
b	<i>Vốn ngoài nước</i>	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	606.660
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	299.960
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-
3	<i>Chi quốc phòng, an ninh</i>	9.250
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>	56.307
5	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	8.454
6	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i>	-
7	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>	3.194
8	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	-

STT	Nội dung	Dự toán
9	Chi sự nghiệp kinh tế	100.716
10	Chi quản lý hành chính - Đảng - Đoàn thể	82.974
11	Chi bảo đảm xã hội	34.385
12	Chi khác	11.420
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
IV	Dự phòng ngân sách	11.204
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUÂN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

Đvt: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi thường xuyên (không kể CTMTQG, CTMT)	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng NS cấp quận	Chi CTMT			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
D	Dự phòng NS cấp quận	<u>11.204</u>	-	-	-	-	11.204	-	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí cúm gia cầm	<u>500</u>	-	-	-	-	500	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhiệm vụ cấp bách phát sinh	<u>10.704</u>	-	-	-	-	10.704	-	-	-	-	-	-	-
E	Đầu tư xây dựng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó									
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Chi dân số và gia đình	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, đoàn thể	ANQP-TTATXH	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ:	547.581	96.882	261.299	50.357	1.050	8.454	3.194	32.385	81.774	9.250	2.936
A	Các cơ quan, tổ chức	547.581	96.882	261.299	50.357	1.050	8.454	3.194	32.385	81.774	9.250	2.936
I	Phòng ban chuyên môn	215.636	96.882	3.716	13.081	1.050	950	-	32.385	67.572	-	-
1	Văn phòng HĐND và UBND	12.665	-	-	-	-	-	-	-	12.665	-	-
2	Phòng Nội vụ	18.682	-	986	-	-	-	-	-	17.696	-	-
3	Phòng Quản lý đô thị	54.754	43.086	-	-	-	-	-	-	11.668	-	-
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	6.208	-	2.650	-	-	-	-	-	3.558	-	-
5	Phòng Y tế	3.037	-	-	-	1.050	-	-	-	1.987	-	-
6	Phòng Kinh tế	2.544	200	-	-	-	-	-	-	2.344	-	-
7	Phòng Tài nguyên và MT	57.453	53.596	-	-	-	-	-	-	3.857	-	-
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.821	-	-	-	-	-	-	-	2.821	-	-
9	Thanh tra	2.772	-	-	-	-	-	-	-	2.772	-	-
10	Phòng Tư pháp	2.358	-	-	-	-	-	-	-	2.358	-	-
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.600	-	-	-	-	950	-	-	2.650	-	-
12	Phòng LĐTB và Xã hội	48.742	-	80	13.081	-	-	-	32.385	3.196	-	-
II	Đoàn thể và các hội	14.202	-	-	-	-	-	-	-	14.202	-	-
1	Mặt trận Tổ quốc	3.239	-	-	-	-	-	-	-	3.239	-	-
2	Quận đoàn	4.745	-	-	-	-	-	-	-	4.745	-	-
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2.907	-	-	-	-	-	-	-	2.907	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó									
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Chi dân số và gia đình	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, đoàn thể	ANQP-TTATXH	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Hội Cựu chiến binh	1.468	-	-	-		-	-	-	1.468	-	-
5	Liên đoàn Lao động	60	-	-	-		-	-	-	60	-	-
6	Hội chữ thập đỏ	705	-	-	-		-	-	-	705	-	-
7	Hội người cao tuổi	350	-	-	-		-	-	-	350	-	-
8	Ban liên lạc cựu tù chính trị	80	-	-	-		-	-	-	80	-	-
9	Hội cựu TNXP	150	-	-	-		-	-	-	150	-	-
10	Hội nạn nhân chất độc màu da cam	190	-	-	-		-	-	-	190	-	-
11	Hội Luật gia	71	-	-	-		-	-	-	71	-	-
12	Hội Đông y	50	-	-	-		-	-	-	50	-	-
13	Hội Khuyến học	187	-	-	-		-	-	-	187	-	-
III	Khối trung tâm	60.102	-	12.128	37.276		7.504	3.194	-	-	-	-
1	Trung tâm Văn hóa	4.988	-	-	-		4.988	-	-	-	-	-
2	Nhà thiếu nhi	2.516	-	-	-		2.516	-	-	-	-	-
3	Thể dục Thể thao	3.194	-	-	-		-	3.194	-	-	-	-
4	Trung tâm Y tế	26.371	-	-	26.371		-	-	-	-	-	-
5	Bệnh viện	10.905	-	-	10.905		-	-	-	-	-	-
6	Trung tâm BDCT	3.383	-	3.383	-		-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng nghề	8.745	-	8.745	-		-	-	-	-	-	-
IV	Khối trường học	245.455	-	245.455	-		-	-	-	-	-	-
01	MN Thảo Điền	4.883	-	4.883	-		-	-	-	-	-	-
02	MN Hoa Hồng	3.308	-	3.308	-		-	-	-	-	-	-
03	MN 19/5	4.846	-	4.846	-		-	-	-	-	-	-
04	MN Bình An	5.766	-	5.766	-		-	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó									
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Chi dân số và gia đình	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, đoàn thể	ANQP-TTATXH	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
05	MN Bình Trưng Đông	5.851	-	5.851	-		-	-	-	-	-	-
06	MN Cát Lái	5.460	-	5.460	-		-	-	-	-	-	-
07	MN Họa Mi	4.671	-	4.671	-		-	-	-	-	-	-
08	MN Vườn Hồng	4.002	-	4.002	-		-	-	-	-	-	-
09	MN Măng Non	4.408	-	4.408	-		-	-	-	-	-	-
10	MN Sen Hồng	5.033	-	5.033	-		-	-	-	-	-	-
11	MN An Phú	4.766	-	4.766	-		-	-	-	-	-	-
12	MN Thạnh Mỹ Lợi	4.414	-	4.414	-		-	-	-	-	-	-
13	MN Sơn Ca	4.997	-	4.997	-		-	-	-	-	-	-
14	MN Vành Khuyên	5.334	-	5.334	-		-	-	-	-	-	-
15	MN An Bình	2.251	-	2.251	-		-	-	-	-	-	-
16	TH Nguyễn Hiền	8.918	-	8.918	-		-	-	-	-	-	-
17	TH Nguyễn Văn Trỗi	10.836	-	10.836	-		-	-	-	-	-	-
18	TH Giồng Ông Tố	14.183	-	14.183	-		-	-	-	-	-	-
19	TH An Khánh	10.431	-	10.431	-		-	-	-	-	-	-
20	TH Huỳnh Văn Ngời	7.177	-	7.177	-		-	-	-	-	-	-
21	TH An Phú	6.359	-	6.359	-		-	-	-	-	-	-
22	TH Mỹ Thủy	7.877	-	7.877	-		-	-	-	-	-	-
23	TH Thạnh Mỹ Lợi	9.292	-	9.292	-		-	-	-	-	-	-
24	TH Lương Thế Vinh	8.845	-	8.845	-		-	-	-	-	-	-
25	TH An Bình	3.598	-	3.598	-		-	-	-	-	-	-
26	TH Bình Trưng Đông	2.644	-	2.644	-		-	-	-	-	-	-
27	THCS Nguyễn Văn Trỗi	9.052	-	9.052	-		-	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó									
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Chi dân số và gia đình	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, đoàn thể	ANQP-TTATXH	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
28	THCS Giồng Ông Tố	10.718	-	10.718	-		-	-	-	-	-	-
29	THCS Thạnh Mỹ Lợi	8.363	-	8.363	-		-	-	-	-	-	-
30	THCS An Phú	11.522	-	11.522	-		-	-	-	-	-	-
31	THCS Lương Định Của	10.886	-	10.886	-		-	-	-	-	-	-
32	THCS Bình An	7.377	-	7.377	-		-	-	-	-	-	-
33	THCS Nguyễn Thị Định	7.192	-	7.192	-		-	-	-	-	-	-
34	THCS Trần Quốc Toàn	5.940	-	5.940	-		-	-	-	-	-	-
35	THCS Cát Lái	3.023	-	3.023	-		-	-	-	-	-	-
36	Trường GDCB Thảo Điền	4.309	-	4.309	-		-	-	-	-	-	-
37	Trường BD Giáo dục	2.071	-	2.071	-		-	-	-	-	-	-
37	TT GDNN - GDTX	4.852	-	4.852	-		-	-	-	-	-	-
V	Ngành dọc	12.186	-	-	-		-	-	-	-	9.250	2.936
1	Công an	4.200	-	-	-		-	-	-	-	4.200	-
2	Quân sự	5.050	-	-	-		-	-	-	-	5.050	-
3	Tòa án	975	-	-	-		-	-	-	-	-	975
4	Viện kiểm sát	452	-	-	-		-	-	-	-	-	452
5	Thi hành án	435	-	-	-		-	-	-	-	-	435
6	Thống kê	229	-	-	-		-	-	-	-	-	229
7	BHXH	82	-	-	-		-	-	-	-	-	82
8	Kho bạc	135	-	-	-		-	-	-	-	-	135
9	Chi cục Thuế	628	-	-	-		-	-	-	-	-	628

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó									
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Chi dân số và gia đình	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, đoàn thể	ANQP- TTATXH	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2019

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Tổng thu NS phường được hường theo phân cấp	Nguồn CCTL cân đối chi thường xuyên	Dự toán chi NS phường	Số bổ sung từ ngân sách cấp quận		
						Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
A	B	1	2	3	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	181.885	15.485	4.095	115.527	95.947	95.947	-
1	Phường An Khánh	0	0		4.970	4.970	4.970	-
2	Phường An Lợi Đông	6.150	50		4.668	4.618	4.618	-
3	Phường An Phú	50.290	3.290	682	14.185	10.213	10.213	-
4	Phường Bình An	15.940	1.440	169	13.056	11.447	11.447	-
5	Phường Bình Khánh	1.505	305		9.607	9.302	9.302	-
6	Phường Bình Trưng Đông	6.240	1.240		13.647	12.407	12.407	-
7	Phường Bình Trưng Tây	12.900	1.400		13.092	11.692	11.692	-
8	Phường Cát Lái	5.740	1.840	400	12.569	10.329	10.329	-
9	Phường Thạnh Mỹ Lợi	7.570	2.370	455	11.575	8.750	8.750	-
10	Phường Thảo Điền	75.310	3.310	2.389	13.368	7.669	7.669	-
11	Phường Thủ Thiêm	240	240		4.790	4.550	4.550	-